

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 8 – 2021

V/v: Không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung.

2. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Trung N, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông N có đơn xin xét xử vắng mặt; bà L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25/3/2021, bản tự khai ngày 20/4/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Bùi Trung N, trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, hiện ông và bà L đã sống ly thân được hơn 7 năm. Nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Ông và bà L có 2 con chung tên là: Bùi Ngọc Trung U, sinh ngày 19/11/1995 và Bùi Thị C, sinh ngày 17/12/1997 hiện các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:* Bà và ông Bùi Trung N tự nguyện đến với nhau được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hiện bà và ông N đã sống ly thân được hơn 7 năm. Về con chung: bà và ông N có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc Trung U, sinh ngày 19/11/1995 và Bùi Thị C, sinh ngày 17/12/1997 hiện các con đều đã trưởng thành. Về tài sản chung: bà L khai bà và ông N có 01 căn nhà cấp IV tại xã T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi bà không tranh chấp đối với tài sản này nhưng bà yêu cầu ông N giao tài sản chung cho các con bà quản lý, sử dụng. Về nợ chung: bà L khai bà và ông N không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh ngày 10/5/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống tạo lập tài sản chung và con chung giữa ông Bùi Trung N và bà Nguyễn Thị L:* Đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cho biết ông Bùi Trung N và bà Nguyễn Thị L không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và từ trước đến nay ông N cũng không có đăng ký kết hôn với ai. Về con chung: giữa ông N và bà L có 02 con chung hiện đã trưởng thành. Về tài sản chung giữa ông N và bà L thì địa phương không rõ vì ông N và bà L không cùng đăng ký kê khai tài sản tại địa phương.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt hai lần không có lý do. Vì vậy, bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ông Bùi Trung N và bà Nguyễn Thị L chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp

luật công nhận là vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Bùi Trung N và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng. Các con chung hiện đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung ông N trình bày không có tài sản chung còn bà L khai có 01 căn nhà cấp IV tại xã T, huyện Tư Nghĩa bà không có tranh chấp nhưng bà yêu cầu ông N giao tài sản chung cho các con bà quản lý, sử dụng nên đề nghị Tòa án không xem xét. Về nợ chung ông N và bà L không có nợ chung, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Bùi Trung N và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, ông N yêu cầu được ly hôn bà L nhưng qua quá trình giải quyết vụ án và áp dụng quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Tòa án xác định quan hệ tranh chấp giữa ông N và bà L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc trường hợp không công nhận vợ chồng quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, do đó Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST-DS ngày 30/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2021/QĐST-DS ngày 19/8/2021, nhưng bà L vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, ông Bùi Trung N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Trung N và bà Nguyễn Thị L là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Trung N và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống giữa ông N và bà L thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông N và bà L đã không còn chung sống với nhau hơn 7 năm, hiện nay ông N và bà L đều không còn tình cảm với nhau. Xét thấy ông N và bà L sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau*

như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Do đó, không làm phát sinh nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận ông Bùi Trung N và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ông N và bà L có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc Trung U, sinh ngày 19/11/1995 và Bùi Thị C, sinh ngày 17/12/1997 hiện các con đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà L trình bày bà và ông N có 01 căn nhà cấp IV tại xã T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi bà không có tranh chấp đối với tài sản này nhưng bà yêu cầu ông N giao tài sản chung cho các con chung quản lý, sử dụng. Tòa án đã thông báo về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ về yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố và giao nộp tài liệu, chứng cứ cho bà L nhưng bà không có ý kiến do đó Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Ông N và bà L đều trình bày không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng quy định Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Bùi Trung N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Bùi Trung N và bà Nguyễn Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về án phí: Ông Bùi Trung N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005732 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Quyền kháng cáo: Ông Bùi Trung N và bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã T, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

